

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G-TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST  
Ngày 30/12/2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Đăng Đán và ông Hoàng Công Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Yến, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G:** Bà Vũ Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2022, tại Tòa án huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2022/TLST-DS ngày 26/10/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS ngày 13/12/2022; giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Đào Xuân C, sinh năm 1974; Vắng mặt

Chị Trần Thị Ch, sinh năm 1975; Vắng mặt

Cùng HKTT: Thôn N, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 1960; HKTT tại khu 2, phường SH, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Vũ Đình Tr, sinh năm 1975; Vắng mặt

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; Có mặt

Cùng HKTT: Thôn B, xã Ph, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi ở hiện tại: Thôn T, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn là anh Đào Xuân C và chị Trần Thị Ch trình bày:*

Ngày 25/5/2018, vợ chồng anh chị cho vợ chồng anh Tr, chị H vay số tiền 100 triệu đồng. Khi vay, anh Tr, chị H là người viết biên nhận và ký tên đầy đủ. Giao tiền tại nhà chị H, anh Tr. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả và lãi suất trong biên bản mà thỏa thuận miệng thời hạn trả là 01 tháng và lãi anh Tr, chị H tự nói là trả anh chị 2%/ tháng. Vợ chồng anh chị đồng ý.

Sau thời hạn thỏa thuận, anh Tr, chị H không trả được nợ cho vợ chồng anh

chị. Anh chị đã đòi nhiều lần nhưng anh Tr, chị H cứ khất lần và có viết giấy hẹn nợ. Đến hiện nay, anh Tr, chị H chưa trả tiền cho vợ chồng anh chị gốc và lãi theo thỏa thuận. Nên anh chị đề nghị Tòa án buộc anh Tr, chị H phải trả số tiền là 100 triệu gốc và lãi là 1,66%/ tháng. Thời gian tính lãi từ 25/5/2018 đến khi anh Tr, chị H trả xong toàn bộ tiền cho anh chị. Tính từ 25/5/2018 đến 25/11/2022 số tiền lãi là 89.640.000đ. Tổng gốc và lãi tính đến 25/11/2022 là 189.640.000đ. Anh chị không chấp nhận việc trả dần của vợ chồng anh Tr, chị H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh H1 nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn. Ông H1 xác định lại thời hạn hai bên thỏa thuận trả gốc cho nhau là 02 tháng kể từ ngày vay không phải là 01 tháng kể từ ngày vay. Ông thay đổi yêu cầu buộc bị đơn trả lãi theo mức lãi suất là 1,66%/ tháng, đề nghị Tòa án buộc bị đơn trả lãi theo mức lãi suất ngân hàng là 0,75%/ tháng. Thời gian tính lãi là từ ngày vay đến khi anh Tr, chị H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Tính đến phiên tòa hôm nay số tiền lãi anh Tr, chị H phải trả anh C, chị Ch là 55 tháng 5 ngày. Tuy nhiên, ông H1 chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi là 55 tháng, thành tiền 41.250.000đ. Anh Tr, chị H còn phải tiếp tục trả lãi từ ngày 31/12/2022 cho đến khi thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất 0,75%/ tháng.

*Bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị xác định vợ chồng chị có vay số tiền như vợ chồng anh C, chị Ch trình bày. Khi vay chị là người viết giấy biên nhận. Chị và anh Tr cùng ký tên trên giấy biên nhận. Hiện chị không nhớ hai bên thỏa thuận thời hạn trả gốc là mấy tháng nên chị xác định nội dung hai bên thỏa thuận về gốc, lãi như anh C, chị Ch trình bày là đúng. Chị đã không trả được nợ nên có viết giấy hẹn nợ. Do điều kiện gia đình làm ăn khó khăn, hiện con trai đi tù, anh chị không còn nhà cửa, đất đai tại thôn B, xã Ph, huyện G mà vợ chồng chị phải đi thuê nhà ở thôn T, xã B, huyện G sinh sống. Nên chị xin được trả dần khoản nợ của anh C, chị Ch. Chị xác định có vay, có trả. Do không trả được nợ nên chị có viết “giấy hẹn nợ” nhưng hiện chị không nhớ ngày, tháng viết giấy hẹn nợ là thời gian nào. Chị xác định chưa trả được khoản tiền gốc. Chị đã trả được nhiều tiền lãi nhưng chị và vợ chồng anh C, chị Ch không viết giấy trả lãi. Tại phiên tòa chị không giao nộp được chứng cứ chứng minh việc đã trả lãi cho anh C, chị Ch. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu chị và anh Tr trả lãi theo mức lãi suất là 0,75%/ tháng, thời hạn trả lãi tính từ ngày vay đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, chị đồng ý.

Anh Tr vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố

tụng dân sự; các Điều 119, 398, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là anh Vũ Đình Tr và chị Nguyễn Thị H phải trả anh Đào Xuân C, chị Trần Thị Ch số tiền 100 triệu đồng. Lãi suất tính từ ngày vay 25/5/2018 đến ngày xét xử 30/12/2022 là 55 tháng 05 ngày, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị tính là 55 tháng bằng 41.250.000đ. Bị đơn còn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn từ ngày 31/12/2022 đến khi thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất 0,75%/ tháng.

Chị H, anh Tr phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền vay theo văn bản đã viết. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại điều 463 BLDS 2015. Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng là 03 năm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 157 BLTTDS 2015 thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại khi bị đơn thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình. Ngày 09/12/2022, chị H, anh Tr thừa nhận toàn bộ số nợ đã vay là 100 triệu đồng của anh C, chị Ch nên thời hiệu khởi kiện tính từ ngày 09/12/2022. Bị đơn là chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn Tr có hộ khẩu thường trú tại xã Ph, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, hiện sinh sống, làm việc tại xã B, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án huyện G thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Đồng bị đơn là anh Vũ Đình Tr vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Tr theo quy định của pháp luật và anh Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh Tr theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn là anh C, chị Ch yêu cầu bị đơn là anh Tr, chị H phải trả số tiền gốc vay là 100 triệu đồng, tiền lãi vay tính từ ngày vay đến ngày xét xử theo mức lãi suất là 0,75%/ tháng:  $= 100.000.000đ \times 0,75\% / \text{tháng} \times 55 \text{ tháng} = 41.250.000đ$ .

Đối với yêu cầu về số tiền gốc 100 triệu đồng. Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là 01 giấy viết tay có nội dung: “Tôi là Vũ Đình Tr – Nguyễn Thị H có vay của Ch C số tiền 100.000.000đ (Một trăm Tr đồng chẵn)” có chữ ký của chị H, anh Tr. Chị H, anh Tr xác nhận chữ

viết, chữ ký trong giấy viết tay đó là của anh, chị. Giấy viết tay tuy không hoàn chỉnh về hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 119, 398 BLDS 2015 nhưng vẫn đảm bảo những nội dung chính và hình thức bằng văn bản nên được xác định là hợp đồng vay tài sản. Như vậy có đủ căn cứ để xác định ngày 25/5/2018, vợ chồng anh C, chị Ch và vợ chồng chị H, anh Tr có thỏa thuận cho nhau vay số tiền 100 Tr đồng. Các bên đương sự đều xác định có giao và nhận số là 100 Tr đồng. Việc giao nhận tiền diễn ra tại nhà anh Tr, chị H. Tại thời điểm lập và ký kết hợp đồng vay tài sản anh C, chị Ch và anh Tr, chị H đều tự nguyện thỏa thuận, không bị ép buộc. Các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên đều xác nhận đối tượng của hợp đồng là có thật nên hợp đồng vay tài sản không vi phạm quy định của pháp luật. Nội dung của hợp đồng vay tài sản là hợp pháp, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ hợp đồng. Do vậy, yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc của anh C, chị Ch là có căn cứ cần được chấp nhận.

Đối với yêu cầu về số tiền lãi: Theo lời khai của các bên đương sự xác định ngoài nội dung chính thỏa thuận trong giấy viết tay hai bên còn thỏa thuận một số nội dung khác bằng miệng gồm mức lãi suất và thời hạn trả gốc. Nguyên đơn trình bày thời hạn trả gốc là 02 tháng, lãi suất là 2%/ tháng. Bị đơn trình bày lãi suất là 2.000đ/ 01 triệu/ ngày, thời hạn trả gốc là 01 tháng đến 02 tháng. Do không trả được nợ nên trong “Giấy hẹn nợ” chị H, anh Tr có hứa đến ngày 25/4 sẽ trả gốc, lãi cho anh C, chị Ch. Do vậy xác định các bên có thỏa thuận lãi là đúng. Như vậy xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Bên cho vay đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền, bên vay phải có nghĩa vụ trả gốc và lãi đúng hạn. Thời hiệu khởi kiện vụ án được bắt đầu lại từ ngày 09/12/2022 nên yêu cầu tính lãi của anh C, chị Ch là phù hợp cần được chấp nhận.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu về lãi suất từ mức lãi suất 1,66%/ tháng theo đơn khởi kiện thành 0,75%/ tháng. Thời gian tính lãi từ ngày 25/5/2018 đến ngày xét xử 30/12/2022 là 55 tháng 5 ngày, nhưng đề nghị Tòa án buộc bị đơn trả là 55 tháng:  $100 \text{ triệu đồng} \times 0,75\% / \text{tháng} \times 55 \text{ tháng} = 41.250.000\text{đ}$ . Việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên được HĐXX chấp nhận. Bị đơn đồng ý với mức lãi suất là 0,75%/ tháng và đồng ý với thời gian tính lãi từ ngày 25/5/2018 đến ngày xét xử 30/12/2022, đồng ý tiếp tục trả lãi đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nên HĐXX chấp nhận.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của anh C, chị Ch đối với anh Tr, chị H là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ.

**[4]. Án phí:** Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Đình Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 119, 398, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Vũ Đình Tr và chị Nguyễn Thị H phải trả anh Đào Xuân C và chị Trần Thị Ch số tiền gốc vay là 100 triệu đồng, tiền lãi tính từ ngày 25/5/2018 đến ngày xét xử 30/12/2022 là 41.250.000đ. Tổng số tiền anh Tr, chị H phải trả anh C, chị Ch là 141.250.000đ. Anh Tr, chị H còn phải có nghĩa vụ phải trả khoản tiền lãi tính từ ngày 31/12/2022 trên số tiền gốc chưa thanh toán đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận 0,75%/ tháng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**2.** Án phí: Anh Vũ Đình Tr và chị Nguyễn Thị H phải chịu 7.062.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh Đào Xuân C và chị Trần Thị Ch số tiền tạm ứng án phí là 4.575.000đ đã nộp tại biên lai số 0007092 ngày 26/10/2022, của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Vũ Thị Minh Nguyệt**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

